

Bản án số: 97/2022/DS-PT

Ngày: **30-12-2022**

V/v: Tranh chấp quyền sử dụng đất
và tài sản gắn liền với đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Phương

Các thẩm phán:

Ông Nguyễn Văn Quế

Bà Nguyễn Thị Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Anh Nguyệt - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên .

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên: Bà Lê Ngọc Kim Loan - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 28 tháng 12 năm 2022 và ngày 30 tháng 12 năm 2022, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 48/2022/DSPT ngày 03 tháng 10 năm 2022 về việc “Tranh chấp QSD đất, tài sản trên đất và hợp đồng giao khoán tài sản” Do bản án dân sự sơ thẩm số 10/2022/DS-ST ngày 02/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Đ H tỉnh Thái Nguyên bị kháng cáo. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2022/QĐ-PT ngày 26 tháng 10 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Hoàng Văn H, sinh năm 1976

Bà Lê Thị Đ, sinh năm 1980;

Cùng trú tại: Xóm B V, xã H T, huyện Đ H , tỉnh Thái Nguyên. Có mặt.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:

+ Ông Mai Tiên D, sinh năm 1977; Có mặt.

+ Ông Tạ Quang T, sinh năm 1983; Có mặt.

Đều là Luật sư – Công ty Luật TNHH Đ T – Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội.

Địa chỉ: Phòng 4518 Tòa C2 VinhomesD’ Capitale T D H, C G, Hà Nội.

2. Bị đơn: Tổng Công ty Lâm Nghiệp V N - Công ty cổ phần.

Địa chỉ trụ sở: Số 127 L Đ, phường Đ M, quận H B T, thành phố Hà Nội.

- Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Quốc K – Chức vụ Tổng giám đốc.

- Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Huy B, sinh năm 1980;

(Theo Giấy Ủy quyền số 546/GUQ- TCT-PC &KSNB ngày 07/5/2020 của Tổng giám đốc Tổng Công ty Lâm Nghiệp V N - Công ty cổ phần.)

Chức vụ hiện nay: Giám đốc Công ty Lâm nghiệp T N – Chi nhánh của Tổng Công ty Lâm Nghiệp V N – Công ty cổ phần.

3. Người làm chứng:

3.1 Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1946 (Mẹ bà Đ). Vắng mặt.

Nơi cư trú: Xóm Phố T, xã Y Đ, huyện P L, tỉnh Thái Nguyên.

3.2 Ông Nguyễn Thành L, sinh năm 1982; Vắng mặt.

Địa chỉ: Tổ dân phố T L, thị trấn Đ, huyện P L, tỉnh Thái Nguyên

3.3 Ông Phạm Văn T, sinh năm 1971; Vắng mặt.

Nơi cư trú: Xóm B V, xã H T, huyện Đ H , tỉnh Thái Nguyên.

4. Người kháng cáo: Ông Hoàng Văn H và bà Lê Thị Đ là nguyên đơn

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm, nguyên đơn Ông Hoàng Văn H và bà Lê Thị Đ trình bày:

Năm 2004, mẹ ông H là bà Nguyễn Thị B – là công nhân Phân trường I thuộc Lâm trường Đ H được Lâm trường giao cho 3,15 ha đất thuộc tiểu khu 195, xóm B V, xã H T, huyện Đ H , tỉnh Thái Nguyên theo Hồ sơ giao đất rừng (sổ xanh). Sổ xanh này mang tên bà Nguyễn Thị B (nhưng sau khoảng mấy năm đã bị người của Công ty thu lại sổ nên hiện tại bà B không còn giữ sổ xanh này nữa). Sau khi nhận đất, do điều kiện sức khỏe, bà B không thể canh tác một mình nên từ năm 2006, vợ chồng tôi đã cùng mẹ trồng cây keo trên toàn bộ diện tích 3,15 ha nêu trên. Trong quá trình canh tác ngoài diện tích đất của bà B được giao, vợ chồng ông H, bà Đ cũng đã tự bỏ vốn đầu tư, thuê người mở rộng thêm 2 ha đất rừng thuộc tiểu khu 195 để trồng chè, cây phấn và cây keo. Tổng diện tích mà gia đình ông H, bà Đ đang quản lý, sử dụng tại tiểu khu 195 đến thời điểm này là khoảng 5,15 ha.

Năm 2009 bà B về quê để lại toàn bộ khu đất này lại cho vợ chồng tôi tiếp tục chăm nom và quản lý. Vào năm 2012, vợ chồng tôi thực hiện khai thác vụ cây trồng trên diện tích 5,15 ha tại tiểu khu 195 này. Trước khi khai thác và thực hiện trồng vụ mới, Công ty đã ép gia đình tôi ký vào một hợp đồng không, không có số lô, sổ thửa, không có diện tích, vị trí đất trước khi khai thác cây nhưng lại có mức khoán sản phẩm rất cao. Sau này khi có tranh chấp, vợ chồng tôi đòi hợp đồng từ Công ty nên lúc này mới biết toàn bộ cả phần diện tích khai hoang của vợ chồng tôi cũng bị ghi cả vào trong hợp đồng trồng rừng.

Bên cạnh phần diện tích nêu trên, vào năm 2006, vợ chồng tôi tự khai hoang được hai khu đất có tổng diện tích là 5 ha thuộc khu Khe C và Khe N tại tiểu khu 413 xóm B V, xã H T, huyện Đ H . Gia đình tôi trồng keo trên khu đất này từ năm 2006. Năm 2009, gia đình tôi tiếp tục nhận chuyển nhượng thêm một lô đất rừng đang trồng cây keo có diện tích 1 ha, thuộc lô B2, khoảnh 5, tiểu khu 413 thôn B V, xã H T, huyện Đ H , tỉnh Thái Nguyên của ông Nguyễn Thành L – là công nhân đội sản xuất số I địa chỉ: thôn B V, xã H T, huyện Đ H , tỉnh Thái Nguyên. Vợ chồng tôi canh tác ổn định, đến năm 2015 đã được thu hoạch toàn bộ cây trên 03 khu đất tại tiểu khu 413 xã H T và tiếp tục trồng vụ mới sau khi khai thác.

Tính đến thời điểm hiện tại, vợ chồng tôi đã sử dụng tổng 11,15 ha đất rừng, trong đó có 3,15 ha đất được giao khoán theo sổ xanh của mẹ cho, 01 ha nhận chuyển nhượng của anh L và 7ha đất tự khai hoang, mở rộng tại tiểu khu 195 và Tiểu khu 413 xã H T.

Năm 2016, Chi nhánh Tổng Công ty Lâm Nghiệp V N là Công ty Lâm nghiệp T N đã tự ý vào diện tích đất của vợ chồng tôi để đo đạc và cắm mốc với lý do Công ty cho rằng diện tích vợ chồng tôi đang canh tác là đất thuộc quyền quản lý của Công ty và Công ty đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ năm 2011. Tuy nhiên, thực tế vợ chồng tôi vẫn trực tiếp canh tác trên đất từ nhiều năm lại không được ai thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận này.

Sau này, ông T – quản đốc phân trường I thuộc Công ty Lâm nghiệp T N nhiều lần yêu cầu vợ chồng tôi lên ký một hợp đồng giao khoán với công ty nhưng vợ chồng tôi không ký. Ông T còn bảo với vợ chồng tôi rằng: “*nếu không ký thì sau này sẽ không làm thủ tục để bán cây*” vì Công ty xác định toàn bộ đất của vợ chồng tôi thuộc thửa 30, tờ bản đồ số 01, xã H T, huyện Đ H phần đất

này đã được UBND tỉnh Thái Nguyên cấp Giấy chứng nhận số BA 866776 cho Tổng công ty Lâm nghiệp ngày 15/02/2011. Tuy nhiên gia đình tôi đã tự bỏ công sức, tài sản, vốn liếng ra để khai phá, mua phân, mua giống trồng cây, tự mở đường suốt bao nhiêu năm nay, mà không có tranh chấp nên không đồng ý ký hợp đồng với Công ty.

Ngày 04/09/2019, vợ chồng ông H đã nộp hồ sơ khởi kiện Tổng Công ty Lâm Nghiệp V N – Công ty cổ phần ra Tòa án nhân dân huyện Đ H , tỉnh Thái Nguyên đề nghị:

1. Xác định toàn bộ 11,15 ha rừng trong đó có 3,15 ha đất được giao khoán theo sổ xanh của mẹ cho, 01 ha nhận chuyển nhượng và 7 ha đất tự khai hoang tại tiểu khu 195 và Tiểu khu 413 xã H T, huyện Đ H , tỉnh Thái Nguyên thuộc quyền sử dụng của tôi. Đồng thời xác định toàn bộ cây rừng trên đất thuộc quyền sở hữu của vợ chồng ông bà, ông bà có toàn quyền quản lý, khai thác và hưởng giá trị sản phẩm mang lại trên đất.

2. Hủy Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số BA 866776 của Tổng Công ty Lâm Nghiệp V N được cấp ngày 15/2/2011.

3. Tuyên hủy tất cả các hợp đồng ông bị ép ký không từ năm 2012.

4. Năm 2012 tôi có mở con đường vào khu Khe C và khu Nước Trong thuê máy xúc hết 700 tiếng x 500.000đ/tiếng = 350.000.000đ đề nghị Tòa án xem xét số tiền này cho vợ chồng ông. Ông H, bà Đ nhất trí với kết quả đo đạc của Công ty TNHH H N C đo vẽ 8 vị trí đất tranh chấp theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 19/6/2020.

* Đại diện theo ủy quyền của Tổng Công ty Lâm Nghiệp V N – ông Phạm Huy B trình bày: Tổng Công ty Lâm Nghiệp V N không đồng ý với những yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn lý do:

Thứ nhất về nguồn gốc đất: Là đất của Tổng Công ty Lâm Nghiệp V N – chi nhánh Công ty Lâm nghiệp T N (Sau đây gọi tắt là “Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên”, “Công ty”) quản lý có nguồn gốc được ghi nhận qua các văn bản sau:

- Quyết định số 11TCCQ ngày 12/1/1973 về việc Hợp nhất 2 Lâm trường Phúc Triu và Trại Cau thành LT Đồng Hỷ.

- Quyết định số 634UB.QĐ ngày 8/12/1992 của UBND tỉnh Bắc Thái v/v thành lập doanh nghiệp Nhà nước lâm trường Đ H Tổng diện tích được giao tại huyện Đ H là 13.065ha

- Quyết định số 3225/QĐ-UB ngày 14/11/1998 của UBND tỉnh Thái Nguyên v/v chuyển giao lâm trường Đ H về Tổng Công ty Lâm Nghiệp V N Bàn giao nguyên trạng, nguyên canh nguyên cư về TCT Lâm nghiệp Việt Nam; Biên bản bàn giao Lâm trường Đ H thuộc sở NN và PTNT Thái Nguyên về Tổng Công ty Lâm Nghiệp V N.

- Quyết định số 231/QĐ/BNN, TCCB ngày 20/1/1999 của Bộ trưởng Bộ NN và PTNT v/v đổi tên Lâm trường Đ H thành Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên.

- Quyết định số 248/QĐ/BNN-TCCB ngày 28/1/2003 của Bộ trưởng Bộ NN và PTNT v/v sáp nhập Công ty vận tải và kinh doanh lâm sản Việt Trì vào Công ty Lâm nghiệp T N và bổ sung ngành nghề kinh doanh cho Công ty V D Thái Nguyên.

- Quyết định số 141HĐQT/TCLĐ/QĐ ngày 10/6/2004 của Chủ tịch HĐQT Tổng công ty Lâm nghiệp VN v/v hợp nhất Lâm trường Đ H và Lâm trường Phú Bình trực thuộc Công ty V D Thái Nguyên

- Công văn số 34 CTVD/CV ngày 21/1/2005 V/v Tăng cường biện pháp quản lý sử dụng rừng và đất rừng Công văn đã gửi đến sở ban ngành, UBND huyện Đ H , Chi cục Kiểm Lâm, Hạt Kiểm lâm Đồng Hỷ, Các xã Khe M, Văn H, Cây T, Tân L, Hợp T với nội dung trước đây Lâm trường Đ H giao đất, giao rừng bằng sổ “Lâm bạ” đến ngày 30/03/2005 không còn giá trị mà chuyển thành hình thức “Hợp đồng giao khoán.

- Công văn số 1294/UBND-NLN ngày 28/11/2005 V/v phối hợp giải quyết vùng nguyên liệu của nhà máy V D Thái Nguyên với các ngành, các cấp chính quyền trong tỉnh Thái Nguyên

- Kết luận thanh tra số 1655/STNMT-TTr ngày 17/7/2009 của Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Thái Nguyên về việc chấp hành luật về đất đai đối với Công ty V D Thái Nguyên ngày 22/12/1998 .

- Quyết định số 1386/QĐ-BNN-ĐMDN ngày 24/5/2010 của Bộ trưởng Bộ NN và PTNT v/v chuyển đổi Công ty V D Thái Nguyên thuộc Tổng công ty Lâm nghiệp VN thành Công ty TNHH một thành viên

- Quyết định số 320/QĐ-UBND ngày 15/2/2011 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc cấp GCN cho Công ty TNHH MTV V D Thái Nguyên, tại xã H T, huyện Đ H Với diện tích được cấp 12.919.983,0 m².

- Giấy chứng nhận QSD đất của UBND tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 15/2/2011 tại xã H T.

- Quyết định số 259/QĐ-BNN-ĐMDN ngày 13/2/2012 của Bộ trưởng Bộ NN và PTNT v/v sáp nhập Công ty TNHH một thành viên V D Thái Nguyên vào Công ty mẹ - Tổng công ty Lâm nghiệp VN.

- Quyết định số 121/QĐ/HĐTV-TCLĐ ngày 06/03/2012 của Chủ tịch Hội đồng thành viên TCT lâm nghiệp VN v/v thành lập Chi nhánh Tổng công ty Lâm nghiệp VN - Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên.

- Văn bản số 3231/UBND - NC ngày 21/11/2014 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc sử dụng đất sau khi cổ phần hóa Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên.

- Quyết định số 1136/QĐ/HĐTV-UBND ngày 21/5/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Thái Nguyên v/v thu hồi đất do Chi nhánh TCT Lâm nghiệp VN

- Công ty Lâm nghiệp T N tự nguyện trả lại, giao đất cho UBND các xã H T, Tân Lợi, Cây Thị, Văn Hán, Khe M huyện Đ H để quản lý theo quy hoạch.

- Quyết định 215 /QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 02 tháng 03 năm 2016 về việc phê duyệt Phương án Cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng Công ty Lâm Nghiệp V N.

- Công văn số 643/UBND-TNMT ngày 20/5/2016 của UBND huyện Đ H về việc tăng cường công tác phối hợp thực hiện lập hồ sơ ranh giới sử dụng đất; đo đạc chỉnh lý bản đồ địa chính và cấp GCNQSD đất đối với Công ty Lâm nghiệp T N năm 2016.

- Thông báo số 38TB/TCT-VP ngày 09/9/2016 của Tổng Giám đốc

- TCT lâm nghiệp VN v/v chuyển đổi sang mô hình Công ty cổ phần, giới thiệu mẫu dấu, các chức danh và chữ ký.

Thứ hai, về hiện trạng sử dụng đất và việc giao khoán trồng rừng:

Căn cứ biên bản hòa giải tranh chấp đất đai ngày 27/08/2018 giữa Công ty Lâm nghiệp T N với 14 hộ gia đình, cá nhân xóm B V, xã H T, huyện Đ H , ông Hoàng Văn H có ý kiến năm 2007 – 2008 ông tự khai phá tại khu vực Khe C, Khe N trong thuộc tiểu khu 195 nhưng ông Hoàng Văn H không cung cấp được các giấy tờ, hồ sơ pháp lý chứng minh diện tích ông H đang sử dụng thuộc quyền quản lý của gia đình ông H.

Thứ ba, về việc ép ký hợp đồng nhận khoán: Việc ký hợp đồng trên tinh thần tự nguyện, trong các hợp đồng có nội dung và các điều khoản rõ ràng. Trước khi ký hợp đồng các chủ hộ được đọc kỹ các nội dung và điều khoản trong hợp đồng và các mô hình khoán của Công ty. Việc ký hợp đồng với các hộ dân đều là người có đủ năng lực hành vi dân sự và đều biết chữ nên không có việc ép ký hợp đồng.

Thứ tư, về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Nguyên đơn đưa ra yêu cầu khởi kiện là công nhận quyền sử dụng đất với diện tích 11,15 ha thuộc quyền sử dụng của gia đình nguyên đơn
- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 866776 của Tổng Công ty Lâm Nghiệp V N được cấp ngày 15/02/2011.
- Hủy tất cả các hợp đồng mà nguyên đơn bị ép ký không từ năm 2012
- Yêu cầu công ty phải trả ông H, bà Đ 350.000.000 đồng tiền mở con đường vào khu Khe C và khu Khe N.

Tuy nhiên, ông Hoàng Văn H (vợ Lê Thị Đ) không xuất trình căn cứ cũng như trong tài liệu, chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện không có bất kỳ văn bản nào ghi nhận diện tích đất trên do gia đình ông H khai phá và thuộc quyền quản lý của ông Hoàng Văn H (vợ Lê Thị Đ). Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có căn cứ.

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của ông H, Tổng Công ty Lâm Nghiệp V N đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn về việc Công nhận quyền sử dụng diện tích 11,15 ha tại thửa số 30, tờ bản đồ số 1 xóm B V, xã H T và quyền sở hữu toàn bộ cây trồng trên các diện tích đất đã ký hợp đồng với công ty thuộc về gia đình nguyên đơn.

Trên thực tế, Diện tích đất lâm nghiệp (26,47ha) mà ông Hoàng Văn H đang canh tác tại xóm B V, xã H T là diện tích đất của Công ty Lâm nghiệp T N được UBND tỉnh Thái Nguyên cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại Quyết định số 320/UB-QĐ ngày 15/02/2011 và nằm trong phương án sử dụng đất sau khi cổ phần hóa của Công ty Lâm nghiệp T N được UBND tỉnh Thái Nguyên chấp thuận tại Văn bản số 3231/UBND-NC ngày 21/11/2014. Công ty Lâm nghiệp T N là chủ đất, chủ rừng có quyền quyết định trong việc giao khoán trồng, chăm sóc và bảo vệ rừng, cấp phép khai thác thu hồi vốn rừng.

2. Về hiện trạng sử dụng đất của hộ ông Hoàng Văn H đến thời điểm 30/4/2022 đối với diện tích đất lâm nghiệp mà Công ty Lâm nghiệp T N đang quản lý:

- Tổng diện tích hộ ông Hoàng Văn H đang canh tác trên đất của Công ty Lâm nghiệp T N quản lý là: 26,47 ha, trong đó:
 - + Diện tích Công ty giữ lại sau cổ phần hóa là: 26,47 ha.
 - + Diện tích Công ty đã giao khoán bằng các hợp đồng trồng, chăm sóc và quản lý bảo vệ rừng là 05 hợp đồng từ năm 2012 đến năm 2021 là: 7,63 ha, trong đó:
 - + Diện tích đã khai thác trái phép, tự trồng rừng năm 2021 là: 1,30 ha.
 - + Diện tích đang còn rừng là: 6,33 ha.
 - + Diện tích đang bị lấn chiếm là: 20,14 ha (bao gồm diện tích chưa giao khoán 18,46 ha và diện tích hộ khai thác trái phép và tự trồng lại rừng).

Tổng Công ty Lâm Nghiệp V N - Công ty cổ phần có thiện chí hai bên thỏa thuận với nhau. Đối với phần diện tích ông H đang quản lý, sử dụng và phần đất ông H đã nhận giao khoán với Công ty, phía công ty sẽ vẫn cho tiếp tục quản lý, sử dụng và khai thác nhưng ông H phải có đơn xin nhận khoán, ký hợp đồng giao khoán, phải nộp sản lượng với công ty theo các mô hình khoán như những hộ khác.

Tổng Công ty Lâm Nghiệp V N không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu, không yêu cầu phản tố đối với yêu cầu giải quyết các Hợp đồng giao khoán đã ký kết với nguyên đơn. Nếu sau này phát sinh tranh chấp liên quan đến việc thực hiện quyền và nghĩa vụ trong Hợp đồng giao khoán thì Tổng Công ty Lâm Nghiệp V N sẽ khởi kiện vụ án riêng.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông Mai Tiến D, ông Tạ Quang Trang trình bày:

Hồ sơ giao đất rừng của Lâm trường Đ H hiện nay người dân vẫn chưa bị thu hồi. Phía Nguyên đơn đang sử dụng 163.864,4 m² (theo bản trích đo hiện trạng) tại tiểu khu 195 và Tiểu khu 413 xã H T, huyện Đ H, tỉnh Thái Nguyên và toàn bộ cây trồng trên đất.

Hồ sơ giao đất, giao rừng này thực chất là Hợp đồng giao khoán, hiện nay chưa bị thu hồi nên vẫn còn giá trị và ông H, bà Đ được quyền sử dụng. Căn cứ Điều 6 Nghị định 135/2005/NĐ-CP ngày 08/11/2005 có quy định giao đất cho hộ gia đình, việc áp dụng Nghị định số 01-CP ngày 04/01/1995 của bị đơn là không đúng vì Nghị định này chỉ áp dụng trong các doanh nghiệp Nhà nước chứ không áp dụng cho các hộ gia đình. Theo Nghị định số 02-CP ngày 15/01/1994, thì các Hợp đồng giao khoán chỉ bị hủy khi có quyết định thu hồi, nếu Hợp đồng giao khoán này chưa có quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thu hồi thì nó vẫn còn hiệu lực và thời hạn giao đất là 50 năm kể từ ngày nhận, nên Hồ sơ giao khoán này chưa hết thời hạn. Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Công ty TNHH MTV V D của UBND tỉnh Thái Nguyên là không đúng quy định, vì không rà soát trước khi cấp, Hồ sơ giao khoán vẫn đang có hiệu lực pháp luật, người dân vẫn đang sử dụng ổn định nếu muốn cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bị đơn thì phải thu hồi. Đối với cá nhân, hộ gia đình thì UBND huyện phải tiến hành thu hồi Hồ sơ giao khoán này thì mới đủ căn cứ để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bị đơn. Yêu cầu hủy các Hợp đồng giao khoán mà Nguyên đơn đã ký với Công ty lâm nghiệp do hợp đồng có dấu hiệu bị ép ký và ký khống, Công ty cho người dân ký trước, sau đó mới điền nội dung. Chữ ký là của người nhận khoán nhưng nội dung không được thỏa thuận, diện tích nhận khoán là ghi sau. Vì vậy đề nghị giám định chữ ký, giám định tuổi mực trong hợp đồng để xem xét lời trình bày của nguyên đơn xác định việc ký hợp đồng là ký trước sau đó mới điền nội dung làm căn cứ hủy hợp đồng giao nhận khoán và công nhận QSD đất là của ông Hoàng Văn H.

Thời gian gần đây công ty mới cắm mốc và yêu cầu ký vào bản hợp đồng khai thác lâm sản. Công ty Lâm nghiệp được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không thể hiện có sơ đồ thửa đất, không có ranh giới xác định vị trí đất nên người dân đang cho rằng việc cấp giấy chứng nhận sử dụng đất này cấp chồng lấn vào diện tích đất của gia đình ông H đã sử dụng từ trước.

* Ý kiến của người làm chứng:

Bà Nguyễn Thị B trình bày tại bản tự khai: Trước đây bà là công nhân Lâm trường Đ H. Năm 1998- 1999 bà được Lâm trường giao 3,15 ha đất rừng sản xuất tại xóm B V, xã H T, huyện Đ H. Năm 2006 do tuổi cao sức yếu, bà cho con gái Lê Thị Đ để sản xuất. Trong quá trình sử dụng bà và con gái vẫn sử dụng ổn định, không tranh chấp với ai. Việc UBND tỉnh cấp GCNQSD đất cho Công ty lâm nghiệp là không đúng quy định của pháp luật gây phương hại đến quyền lợi của con gái bà. Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của con bà là Lê Thị Đ và Hoàng Văn H.

Ông Nguyễn Thành L trình bày: Năm 2006 ông được nhận vào Công ty V D Thái Nguyên làm việc tại Đội sản xuất số 1 xóm B V, xã H T, huyện Đ H , tỉnh Thái Nguyên và có khai phá rừng để trồng keo khoảng 1 ha tại tiểu khu 413. Năm 2009 ông được điều động sang đội sản xuất số 5 (Cầu mây) huyện Phú Bình nên có nhượng lại cho ông Hoàng Văn H với giá 5 triệu đồng.

Ông Phạm Văn T trình bày: Việc ký các Hợp đồng giao nhận khoán giữa hộ ông Hoàng Văn H với Lâm trường Đ H , gia đình ông H đã nhận khoán trồng rừng trên diện tích đất theo Hợp đồng đã ký là đất của Công ty Lâm nghiệp hiện nay. Việc nhận khoán của các hộ dân là tự nguyện, đến thời kỳ khai thác thì nộp sản theo thỏa thuận ký kết trong hợp đồng, không có việc Công ty ép ký hay ký không với các hộ dân. Nay các hộ cho rằng Công ty ép các hộ ký không là không đúng.

Ngày 19 tháng 6 năm 2020 Tòa án nhân dân huyện Đ H , tỉnh Thái Nguyên tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ. Theo kết quả đo vẽ của Công ty TNHH H N C đo xác định diện tích đất tranh chấp là 163.864,4 m².

(Có sơ đồ trích đo hiện trạng kèm theo)

Ngày 19/4/2021 Hội đồng định giá tài sản xác định giá trị tài sản:

* Về giá trị đất: Phần đất tranh chấp khu Khe C thuộc thửa 30 tờ bản đồ số 01, theo các bản trích đo hiện trạng có từng khu thể hiện diện tích như sau:

$$163.864,4 \text{ m}^2 \times 9.000 / \text{m}^2 = 1.474.779.600 \text{ đồng.}$$

(Một tỷ, bốn trăm bảy mươi bốn triệu, bảy trăm bảy mươi chín nghìn, sáu trăm đồng)

* Về giá trị tài sản trên đất: *(cây keo và cây phấn)* 1.317.247.500 đồng;

Tổng giá trị đất và tài sản trên đất: 2.792.027.100 đồng *(Hai tỷ, bảy trăm chín mươi hai triệu, không trăm hai mươi bảy nghìn, một trăm đồng)*

Quá trình thu thập chứng cứ của Tòa án:

Tòa án đã phối hợp với các cơ quan lưu giữ tài liệu chứng cứ cung cấp các tài liệu chứng cứ có liên quan đến việc quản lý, sử dụng đất rừng của 11 hộ dân xã H T huyện Đ H đang có tranh chấp với Tổng Công ty Lâm Nghiệp V N- Công ty cổ phần.

Tại công văn số 1217/UBND-CNN\$XD của UBND tỉnh Thái Nguyên trình bày: + Về trình tự, thủ tục, thẩm quyền Cấp GCNQSD đất: Căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 52 Luật đất đai 2003; Điều 11,12,19 Nghị định 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009;

+ Về Nguồn gốc đất: Tổng Công ty Lâm Nghiệp V N được tiếp nhận nguyên trạng Lâm trường Đ H tại Quyết định 3225/QĐ-UB ngày 14/11/1998 của UBND tỉnh Thái Nguyên. Trước đây Lâm trường Đ H được thành lập và giao đất tại Quyết định 634/UB-QĐ ngày 08/12/1992 của UBND tỉnh Bắc Thái (nay là tỉnh Thái Nguyên), diện tích rừng và đất rừng được giao là 13.065 ha. Sau đó Lâm trường Đ H đổi tên thành Công ty Lâm nghiệp T N tại Quyết định 231/QĐ-BNN ngày 20/01/1999 của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn.

Ngày 28/01/2003 Công ty Lâm nghiệp T N được đổi tên thành Công ty V D Thái Nguyên tại Quyết định số 248/QĐ-BNN-TCCB của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn.

+ Việc cấp GCNQSD đất: Sau khi nhận được hồ sơ xin cấp GCNQSD đất của Công ty TNHH Một thành viên V D Thái Nguyên, Văn phòng đăng ký QSD đất đã tiến hành kiểm tra hồ sơ và hiện trạng sử dụng đất của Công ty, trích lục bản đồ địa chính các thửa đất đề nghị cấp GCNQSD đất, xác nhận đủ điều kiện vào đơn xin cấp GCNQSD đất trình Sở Tài Nguyên và Môi trường theo quy định.

Ngày 29/01/2011 Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh trình UBND tỉnh cấp GCNQSD đất cho Công ty TNHH Một thành viên V D Thái Nguyên tại tờ trình số 62/TTr-STNMT.

Ngày 15/02/2011 UBND tỉnh Thái Nguyên ban hành Quyết định số 320/QĐ-UBND về việc cấp GCNQSD đất cho Công ty TNHH Một thành viên V D Thái Nguyên tại xã H T, huyện Đ H đồng thời ký GCNQSD đất cho Công ty, GCNQSD đất số BA 866776, BA 866531, BA 866527 và BA 866510 ngày 15/02/2011. Thành phần hồ sơ, trình tự thủ tục thực hiện việc cấp GCNQSD đất nêu trên cho Công ty TNHH Một thành viên V D Thái Nguyên là đúng quy định của pháp luật đất đai.(BL326).

Tại Công văn số 55/CV-HKL ngày 18/4/2022 của Hạt Kiểm Lâm huyện Đ H cung cấp:

Căn cứ sơ đồ trích đo (file số) hiện trạng sử dụng đất của 11 hộ gia đình xã H T đang có tranh chấp với Tổng Công ty Lâm Nghiệp V N, Hạt kiểm lâm đối chiếu với Bản đồ quy hoạch 3 loại rừng do Hạt kiểm lâm quản lý theo Quyết định 1518/QĐ-UBND ngày 10/7/2014 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch 3 loại rừng tỉnh Thái Nguyên năm 2013 đến năm 2020 thì khu vực trên về cơ bản đều thuộc Quy hoạch là rừng sản xuất, hiện trạng là rừng trồng. Còn nội dung xác định chủ quản lý theo vị trí là số thửa đất, số tờ bản đồ, diện tích từng thửa không thuộc đối tượng theo dõi của Hạt kiểm lâm huyện Đ H.

Tại Công văn số 554/UBND ngày 04/7/2022 của UBND xã H T, huyện Đ H phúc đáp Công văn số 490/2022 ngày 21/6/2022 Tòa án nhân dân huyện Đ H cho biết việc các hộ dân có khai hoang đất hay không và có làm thủ tục để cấp GCNQSD đất đối với diện tích khai hoang hay không? như sau: Trước khi cổ phần hóa, chi nhánh Tổng Công ty Lâm Nghiệp V N-Công ty cổ phần – Công ty Lâm nghiệp T N đã trả về địa phương diện tích đất là 817,23 ha(8.172,262 m²) đất trồng rừng sản xuất tại Quyết định 1136/QĐ-UBND ngày 21/5/2015 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc thu hồi đất do chi nhánh Tổng Công ty Lâm Nghiệp V N – Công ty Lâm nghiệp T N tự nguyện trả lại, giao đất cho UBND các xã: Hợp T, Tân L, Cây T, Văn H, Khe M huyện Đ H để quản lý theo quy hoạch. Toàn bộ diện tích đất trả về địa phương có biên bản bàn giao chỉ giới do UBND tỉnh đã thu hồi của Công ty Lâm nghiệp T N để giao cho UBND xã H T , huyện Đ H , tỉnh Thái Nguyên quản lý theo quy hoạch ngày 03/6/2015. Diện tích đất hiện nay 11 Nguyên đơn đang tranh chấp với Công ty Lâm nghiệp T N không nằm trong diện tích đất trả về địa phương mà hiện nay địa phương đang quản lý.

Toàn bộ diện tích đất trả về địa phương hiện nay UBND xã H T đã xây dựng xong phương án giao đất, cho thuê đất theo quy định.

Đến thời điểm này UBND xã H T không có hồ sơ lưu trữ hay các căn cứ pháp lý về việc công nhận nhân dân tự khai hoang diện tích đất rừng. Đối với toàn bộ diện tích các hộ đang khởi kiện thì các hộ chưa có hồ sơ xin cấp GCNQSD đất lần nào.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 10/2022/DS-ST Ngày 02/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Đ H , tỉnh Thái Nguyên đã Quyết định:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Văn H, bà Lê Thị

Định đề nghị Công nhận 11,15 ha rừng đất rừng và toàn bộ cây rừng trên đất là của ông bà, vì vị trí đất được Công ty TNHH H N C đo xác định diện tích đất tranh chấp là 163.864,4 m² thuộc thửa số 30 tờ bản đồ số 1, xóm B V, xã H T, huyện Đ H , tỉnh Thái Nguyên là đất của Tổng Công ty Lâm Nghiệp V N.

Vị trí đất tranh chấp có diện tích: 163.864,4 m² có 8 vị trí thuộc thửa số 30 tờ bản đồ số 1, xóm B V, xã H T, huyện Đ H , tỉnh Thái Nguyên:

• Vị trí thứ nhất khu Khe C (khoảng 3):

- + Phía Đông Bắc giáp với đất ông Dương Tuấn H đang sử dụng
 - + Phía Tây giáp với đất ông Phan Đức P đang sử dụng
 - + Phía Nam giáp với đất ông Nghiêm Xuân T đang sử dụng
 - + Phía Đông giáp với đất ông Bàn Phúc T đang sử dụng
- Ranh giới đất tiếp giáp các hộ lân cận đều có đường biên.

• Vị trí thứ hai(khoảng 5):

- + Phía Bắc giáp với (đất chị Đ khai là khai phá) đang sử dụng
 - + Phía Tây giáp đỉnh đông;
 - + Phía Nam giáp với đất ông Tô Minh T1 đang sử dụng
 - + Phía Đông Bắc giáp với đất ông Đặng Văn T2 đang sử dụng
- Ranh giới đất tiếp giáp các hộ lân cận đều có đường biên.

• Vị trí thứ ba :

- + Phía Bắc giáp với đất ông Đặng Văn T2 đang sử dụng
- + Phía Tây giáp đỉnh đông(đất xã Tân L);
- + Phía Nam giáp với vị trí đất (ông H, bà Đ nhận chuyển nhượng của anh L)

+ Phía Đông giáp với đất ông Đặng Văn T2 đang sử dụng
Ranh giới đất tiếp giáp các hộ lân cận đều có đường biên.

• Vị trí thứ tư(thuộc tiểu khu 195(413 cũ) lô 7, khoảng 8a+ 8b:

- + Phía Bắc giáp đỉnh đông(đất Võ Nhai);
 - + Phía Tây giáp với đất ông Hoàng Văn Đ đang sử dụng;
 - + Phía Nam giáp với đất ông Ngô Văn Đ đang sử dụng
 - + Phía Đông giáp với đất ông Hoàng Văn B đang sử dụng
- Ranh giới đất tiếp giáp các hộ lân cận đều có đường biên.

• Vị trí thứ năm(thuộc tiểu khu 195 (413 cũ) lô 8, khoảng 8a:

- + Phía Bắc giáp bãi chè nhà ông P;
- + Phía Tây giáp với đất Công ty Lâm nghiệp trả cho địa phương quản lý;
- + Phía Nam giáp với đất ông Ngô Văn Đ đang sử dụng
- + Phía Đông giáp với đường đi và đất ông Ngô Văn Đ đang sử dụng

• Vị trí thứ sáu(thuộc tiểu khu 195(413 cũ) lô A37, khoảng 8a:

- + Phía Bắc giáp với đất ông Dương Tuấn H đang sử dụng ;
 - + Phía Tây giáp với đất Công ty Lâm nghiệp trả cho địa phương quản lý;
 - + Phía Nam giáp với đất Công ty Lâm nghiệp trả cho địa phương quản lý;
 - + Phía Đông giáp với đất ông Hoàng Văn H đang sử dụng;
- Ranh giới đất tiếp giáp các hộ lân cận đều có đường biên.

• Vị trí thứ bảy(thuộc tiểu khu 195(413 cũ) lô A53, khoảng 9:

- + Phía Bắc giáp đường đi và giáp với đất bà Lê Thị Thành đang sử dụng ;
 - + Phía Tây giáp với đất ông Triệu Văn T3 đang sử dụng;
 - + Phía Nam giáp với đất bà Nguyễn Thị T4 đang sử dụng;
 - + Phía Đông giáp với đất ông Triệu Văn H đang sử dụng;
- Ranh giới đất tiếp giáp các hộ lân cận đều có đường biên.

• Vị trí thứ tám(thuộc khe Re tiểu khu 195(413 cũ) :

- + Phía Nam giáp với đất ông Phan Đức H1 đang sử dụng;
- + Phía Bắc giáp đất ông Phan Đức L đang sử dụng ;
- + Phía Tây giáp đường đi và giáp đất ông Phan Đức L đang sử dụng;
- + Phía Đông Nam giáp với đất ông Triệu Văn Hùng đang sử dụng;

Ranh giới đất tiếp giáp các hộ lân cận đều có đường biên. (Có bản trích đo hiện trạng thửa đất kèm theo do ông H, bà Đ dẫn đạc được Công ty TNHH H N C đo đạc)

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Văn H, bà Lê Thị Định đề nghị Hủy tất cả các hợp đồng giao khoán mà ông H, bà Đ cho rằng bị ép ký, bị ký không từ năm 2012.

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Văn H, bà Lê Thị Định đề nghị Hủy Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số BA 866776 của Tổng Công ty Lâm Nghiệp V N được UBND tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 15/2/2011.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 05/8/2022 (theo dấu công văn đến là ngày 15/8/2022) ông Hoàng Văn H và bà Lê Thị Đ làm đơn kháng cáo đề nghị hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, xét xử lại theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn có quan điểm tranh luận cho rằng:

Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, nguyên đơn có yêu cầu Tòa án huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất UBND tỉnh Thái Nguyên cấp cho Công ty Lâm nghiệp, Tòa án nhân dân huyện Đ H không chuyển hồ sơ cho Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, không đưa UBND tỉnh tham gia tố tụng để xem xét huỷ quyết định cá biệt là không đúng thẩm quyền quy định tại Điều 34 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 32 Luật tố tụng hành chính. Tòa án cấp sơ thẩm không đưa UBND huyện Đ H tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và UBND xã H T tham gia tố tụng với tư cách là người làm chứng là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Nguyên đơn yêu cầu hủy các hợp đồng giao khoán đã ký kết với Tổng Công ty Lâm Nghiệp V N – Công ty cổ phần với lý do bị ép ký không, cấp sơ thẩm chưa làm rõ việc ký hợp đồng mới và hợp đồng cũ có trùng lẫn hay không, nguyên đơn có đề nghị trưng cầu giám định chữ ký trong hợp đồng giao khoán nhưng không được làm rõ. Phía nguyên đơn đang sử dụng 163.864,4m² (theo bản trích đo hiện trạng) trong đó năm 2004 được Lâm trường Đ H giao 3,15ha đất trồng rừng cho đến nay chưa có văn bản nào huỷ bỏ quyết định của Lâm trường Đ H. Thời hạn giao đất, giao rừng là 50 năm, năm 2011 UBND tỉnh Thái Nguyên cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là không đúng, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ án sơ thẩm để giải quyết lại theo quy định.

Đại diện bị đơn Tổng Công ty Lâm Nghiệp V N – Công ty cổ phần xác định phần cây trồng trên đất nguyên đơn lấn chiếm là của nguyên đơn, nguyên đơn có quyền thu hoạch cây khi đến chu kỳ khai thác. Đối với phần cây trên diện tích đất theo hợp đồng giao nhận khoán, khi đến chu kỳ khai thác sẽ giải quyết theo thỏa thuận, cam kết trong hợp đồng giao khoán.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên phát biểu quan điểm: Thẩm phán chủ tọa và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng tố tụng. Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn về phần yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất; sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 10/2022/DS-ST ngày 02/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Đ H, tỉnh Thái Nguyên, công nhận phần cây trồng trên phần đất nguyên đơn lấn chiếm là của nguyên đơn. Phần cây trồng trên đất theo hợp đồng giao nhận khoán các bên sẽ thực hiện theo cam kết thỏa thuận trong hợp đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Đơn kháng cáo của nguyên đơn trong hạn luật định, đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm, được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Về nội dung:

Xét kháng cáo của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Về nguồn gốc đất:

[2] Lâm trường Đ H được Ủy ban hành chính tỉnh Bắc Thái thành lập ngày 12/01/1973 theo Quyết định số 11/ TCCQ trên cơ sở hợp nhất lâm trường Phúc Trìu và Lâm trường Trại Cau trực thuộc Ty lâm nghiệp Bắc Thái. Năm 1992 thành lập Lâm trường Đ H trực thuộc Sở lâm nghiệp Bắc Thái, tổng diện tích rừng và đất rừng được giao 13.065 ha. Năm 1998 UBND tỉnh Thái Nguyên đã quyết định chuyển Lâm trường Đ H trực thuộc Sở Lâm nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh Thái Nguyên về Tổng Công ty Lâm Nghiệp V N quản lý. Năm 1999 Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn đã quyết định đổi tên Lâm trường Đ H thành Công ty Lâm nghiệp T N trực thuộc Tổng Công ty Lâm Nghiệp V N. Năm 2003 sáp nhập Công ty vận tải và kinh doanh lâm sản Việt Trì vào Công ty Lâm nghiệp T N và đổi tên Công ty Lâm nghiệp T N thành Công ty V D Thái Nguyên. Năm 2012 sáp nhập Công ty V D Thái Nguyên vào Tổng Công ty Lâm Nghiệp V N. Tại Quyết định 121/QĐ/HĐTV-TCLĐ ngày 16/03/2012 đã quyết định thành lập Chi nhánh Tổng Công ty Lâm Nghiệp V N – Công ty lâm nghiệp Thái Nguyên

[3] Diễn biến hình thành, biến động quyền sử dụng đất của Lâm trường Đ H (nay là Tổng Công ty Lâm Nghiệp V N, Công ty cổ phần) thể hiện theo các văn bản, quyết định: Quyết định số 634/QĐ-UBND ngày 08/12/1992 của UBND tỉnh Thái Nguyên quyết định về việc thành lập Doanh nghiệp nhà nước Lâm trường Đ H với vốn rừng được cấp là 13.065ha; Quyết định số 3225/QĐ-UBND ngày 14/11/1998 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc chuyển giao Lâm trường Đ H về Tổng Công ty Lâm Nghiệp V N trên nguyên tắc bàn giao nguyên trạng, nguyên canh, nguyên cư, với tổng diện tích đất lâm nghiệp của Lâm trường là 11.553ha; Tại Kết luận thanh tra số 1655/STNMT-TTr ngày 17/7/2009 của Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Thái Nguyên kết luận việc chấp hành pháp luật về đất đai đối với Công ty V D Thái Nguyên đã kết luận qua kiểm tra đối soát tổng diện tích đất Công ty V D Thái Nguyên thì đất lâm nghiệp còn lại diện tích 10.099,96ha, nhưng thực tế quản lý và sử dụng 8.077,87ha đất lâm nghiệp; Quyết định số 320/QĐ-UBND Ngày 15/02/2011 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc cấp giấy chứng nhận cho Công ty TNHH MTV V D Thái Nguyên, tại xã H T, huyện Đ H là 12.919.983,0m² (1.292ha). Tại Công văn số 3231/UBND-NC ngày 21/11/2014 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc sử dụng đất sau khi cổ phần hóa của Công ty Lâm nghiệp T N thì diện tích công ty để lại khi thực hiện cổ phần hóa tại xã H T là 10.959.700m² (1.095ha)

[4] Năm 1998 khi chuyển giao Lâm trường Đ H về Tổng Công ty Lâm Nghiệp V N đã có Biên bản kiểm kê rừng và đất lâm nghiệp do Lâm trường Đ H quản lý, diện tích đất của Lâm trường Đ H có vị trí tứ cận: Phía Bắc giáp tuyến đường Linh Sơn đi La Hiên và Võ Nhai; Đông giáp huyện Võ Nhai, Tây giáp các xã Linh Sơn, Nam Hòa, Hợp Tiến, Tân Lợi; Nam giáp tỉnh Hà Bắc. Lâm trường nằm trên đất của các xã Khe M, Văn Hán, Cây Thị, Hợp Tiến và Tân Lợi bao gồm 04 phân trường I, II, III, IV có 15 tiểu khu 402A, 402B, 403, 404, 401, 407, 408A, 408B, 409, 410, 411B, 412, 413, 414, 416, tổng diện tích đất lâm nghiệp 11.553ha.

[5] Như vậy, có đủ căn cứ xác định đất có nguồn gốc của Lâm trường Đ H được Nhà Nước giao quản lý để thực hiện việc sản xuất, kinh doanh nghề rừng, có quyết định giao đất với tổng diện tích đất được giao là 13.065ha từ năm 1992. Trải qua các thời kỳ chuyển giao từ Lâm trường Đ H đến nay là Chi nhánh Tổng Công ty Lâm Nghiệp V N, Công ty cổ phần, diện tích đất được bàn giao nguyên trạng.

Về diện tích đất được Lâm trường Đ H giao đất, giao rừng và đất khai hoang:

[6] Nguyên đơn ông Hoàng Văn H và bà Lê Thị Đ xác định:

Năm 2004 bà Nguyễn Thị B là mẹ đẻ của bà Đ được Lâm trường Đ H giao 3,15 ha đất rừng thuộc tiểu khu 195, xóm B V, xã H T, huyện Đ H , tỉnh Thái Nguyên. Việc giao đất thông qua sổ giao đất giao rừng mang tên Nguyễn Thị B. Năm 2006 bà B cho ông H 3,15 ha đất rừng nêu trên để trồng rừng sản xuất (sổ giao đất, giao rừng hiện nay không còn vì đã bị thu lại năm 2004-2005). Năm 2009 ông H và bà Đ nhận chuyển nhượng 01 ha đất rừng đang trồng keo của anh L thuộc lô B2, khoản 5 tiểu khu 413 xóm B V, xã H T và sử dụng ổn định đến nay. Ngoài diện tích đất nhận giao khoán và nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Thành L thì gia đình ông H và bà Đ còn khai phá thêm đất rừng tại tiểu khu 195 và 413 xã H T. Ông H và bà Đ nhất trí kết quả đo vẽ do công ty TNHH H N C thực hiện theo bản trích đo hiện trạng đất ông H và bà Đ đang sử dụng là 163,864,4m² tương đương 16,38ha, toàn bộ diện tích đất trên gia đình ông H đang trồng cây.

Điều 11 khoản 2 của Quy định việc giao khoán đất sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và nuôi trồng thủy sản trong các doanh nghiệp Nhà nước, ban hành kèm theo Nghị định số 01/CP ngày 04/01/1995 của Chính phủ, quy định: *Thời hạn giao khoán đối với rừng phòng hộ, rừng đặc dụng là 50 năm; đối với rừng sản xuất thì theo chu kỳ kinh doanh.*

[7] Tại Quyết định giao đất giao rừng ngày 30/11/1993 Lâm trường Đ H là Doanh nghiệp Nhà nước được giao đất và đứng ra thực hiện giao khoán đất nhưng lại sử dụng mẫu giao đất giao rừng của UBND huyện Đ H là không đúng quy định. Ngày 21/01/2005 Công ty Ván Dãn Thái Nguyên ban hành văn bản số 34/CTVD/CV yêu cầu các hộ trước đây được Lâm trường Đ H giao đất, giao rừng bằng sổ Lâm bạ phải chuyển sang hình thức Hợp đồng giao khoán và thời hạn giao khoán theo chu kỳ kinh doanh là phù hợp quy định của pháp luật.

[8] Điều 99 Luật đất đai năm 2013 và khoản 4 Điều 19 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai quy định các trường hợp không cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: *4. Người nhận khoán đất trong các nông trường, lâm trường, doanh nghiệp nông, lâm nghiệp, ban quản lý rừng phòng hộ, ban quản lý rừng đặc dụng*

[9] Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn cho rằng Lâm trường Đ H giao đất giao rừng cho bà Nguyễn Thị B (mẹ đẻ bà Đ) năm 2004, thời hạn giao đất là 50 năm, hiện nay hồ sơ giao khoán này vẫn đang có hiệu lực, chưa bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền thu hồi, nên yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất cho nguyên đơn là không có căn cứ chấp nhận.

Về việc nguyên đơn cho rằng diện tích đất đã khai hoang:

[10] Ông H và bà Đ cho rằng năm 2006 gia đình ông H tự khai hoang thêm 7ha, diện tích đất này là diện tích đất bỏ hoang, không có ai quản lý, sử dụng. Tuy nhiên, nguyên đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì cho việc khai hoang và kê từ khi khai hoang cho đến nay, ông H cũng không kê khai với bất cứ cơ

quan nào, không xin được khai hoang diện tích đất theo quy định tại Điều 103, 104 Luật đất đai năm 2003, quy định việc quản lý đất chưa sử dụng thuộc Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn có trách nhiệm quản lý, bảo vệ đất chưa sử dụng tại địa phương và đăng ký vào hồ sơ địa chính.

[11] Theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Thông tư 52/2014/TT-BNNPTNT của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn thì đất khai hoang là đất đang để hoang hóa, đất khác đã quy hoạch cho sản xuất nông nghiệp được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Văn bản trả lời của Hạt kiểm lâm Đồng Hỷ, xác định hiện trạng sử dụng đất của 11 hộ gia đình đang tranh chấp trong đó có ông H, đều thuộc quy hoạch là đất rừng sản xuất, hiện trạng là rừng trồng. UBND xã H T xác định diện tích đất 11 hộ đang tranh chấp với Tổng Công ty Lâm Nghiệp V N không nằm trong diện tích đất mà Công ty trả về cho địa phương theo Quyết định 1136/QĐ-UBND ngày 21/5/2015 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc thu hồi đất. Hồ sơ địa chính các thời kỳ của xã H T không có hồ sơ lưu trữ hay các căn cứ pháp lý về việc công nhân, nhân dân tự khai hoang diện tích đất rừng. Không có việc người dân đến kê khai hoặc xin được khai hoang đất đối với diện tích đất của 11 hộ đang tranh chấp với Công ty Lâm nghiệp.

Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ: Diện tích đất ông H và bà Đ đang tranh chấp với Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên, qua kết quả đo đạc theo chỉ dẫn của ông H và bà Đ thuộc thửa số 30, tờ bản đồ số 01 và thửa số 407 tờ bản đồ số 3 UBND tỉnh Thái Nguyên cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Công ty TNHH MTV V D Thái Nguyên nay thuộc Tổng Công ty Lâm Nghiệp V N – Công ty cổ phần.

Do vậy, ông H và bà Đ đề nghị được công nhận diện tích đất khai hoang là không có căn cứ chấp nhận.

[12] Từ những phân tích nêu trên thấy, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hoàng Văn H, bà Lê Thị Đ đề nghị Tòa án công nhận diện tích đất trồng rừng đang quản lý sử dụng là có căn cứ.

[13] Về yêu cầu huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:

Nguyên đơn yêu cầu Tòa án huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất UBND tỉnh Thái Nguyên cấp cho Công ty V D Thái Nguyên nay là Tổng Công ty Lâm Nghiệp V N. Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ và những phân tích nêu trên thấy, việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không trái pháp luật, không xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự trong vụ án. Do không có căn cứ để huỷ quyết định cá biệt theo Điều 34 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án cấp sơ thẩm tiếp tục giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[14] Về yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án công nhận tài sản là cây trồng trên phần đất tranh chấp:

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm đã giải thích cho bị đơn quyền yêu cầu phản tố, yêu cầu nguyên đơn trả lại phần đất lấn chiếm và yêu cầu giải quyết nội dung các hợp đồng giao khoán đã ký với ông Hoàng Văn H, nhưng bị đơn không có yêu cầu, đề nghị gì.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn xác định phần cây trồng trên đất ông H, bà Đ lấn chiếm của Công ty do ông H và bà Đ trồng, ông H, bà Đ tiếp tục được khai thác khi đến chu kỳ khai thác, Công ty không yêu cầu gia đình ông H phải nộp sản lượng. Đối với cây trồng trên phần đất ông H ký hợp đồng giao khoán, thì sẽ thực hiện cam kết, thoả thuận trong hợp đồng giao khoán khi đến chu kỳ khai thác. Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu của nguyên đơn về việc công nhận tài sản

là cây trồng trên đất là không đúng, cần sửa phần nội dung này trong quyết định của Bản án sơ thẩm.

[15] Về án phí: Đương sự không phải chịu án phí phúc thẩm
Từ những phân tích nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn; Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 10/2022/DS-ST ngày 02/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Đ H , tỉnh Thái Nguyên

Áp dụng các Điều 166, 203; Điều 99, Điều 100 Luật đất đai năm 2013; khoản 4 Điều 19 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai; Điều 26 Luật thi hành án dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Văn H, bà Lê Thị Đ đề nghị Công nhận 11,15 ha đất rừng (theo bản trích đo hiện trạng là 163.864,4 m² đất rừng) tại thửa số 30 tờ bản đồ số 1, xóm B V, xã H T, huyện Đ H , tỉnh Thái Nguyên, UBND tỉnh Thái Nguyên cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 15/02/2011 cho Công ty TNHH Một thành viên V D Thái Nguyên, nay là Tổng Công ty Lâm Nghiệp V N - Công ty cổ phần.

Vị trí đất tranh chấp có diện tích: 163.864,4 m² có 8 vị trí thuộc thửa số 30 tờ bản đồ số 1, xóm B V, xã H T, huyện Đ H , tỉnh Thái Nguyên:

*** Vị trí thứ nhất khu Khe C (khoảnh 3):**

- + Phía Đông Bắc giáp với đất ông Dương Tuấn H đang sử dụng
 - + Phía Tây giáp với đất ông Phan Đức P đang sử dụng
 - + Phía Nam giáp với đất ông Nghiêm Xuân T đang sử dụng
 - + Phía Đông giáp với đất ông Bàn Phúc T đang sử dụng
- Ranh giới đất tiếp giáp các hộ lân cận đều có đường biên.

*** Vị trí thứ hai(khoảnh 5):**

- + Phía Bắc giáp với (đất chị Đ khai là khai phá) đang sử dụng
 - + Phía Tây giáp đỉnh đông;
 - + Phía Nam giáp với đất ông Tô Minh Tg đang sử dụng
 - + Phía Đông Bắc giáp với đất ông Đặng Văn T2 đang sử dụng
- Ranh giới đất tiếp giáp các hộ lân cận đều có đường biên.

*** Vị trí thứ ba :**

- + Phía Bắc giáp với đất ông Đặng Văn T2 đang sử dụng
- + Phía Tây giáp đỉnh đông(đất xã Tân L);
- + Phía Nam giáp với vị trí đất (ông H, bà Đ nhận chuyển nhượng của anh L)

+ Phía Đông giáp với đất ông Đặng Văn T2 đang sử dụng Ranh giới đất tiếp giáp các hộ lân cận đều có đường biên.

*** Vị trí thứ tư(thuộc tiểu khu 195(413 cũ) lô 7, khoảnh 8a+ 8b:**

- + Phía Bắc giáp đỉnh đông(đất Võ Nhai);
 - + Phía Tây giáp với đất ông Hoàng Văn Đ đang sử dụng;
 - + Phía Nam giáp với đất ông Ngô Văn Đ đang sử dụng
 - + Phía Đông giáp với đất ông Hoàng Văn B đang sử dụng
- Ranh giới đất tiếp giáp các hộ lân cận đều có đường biên.

*** Vị trí thứ năm(thuộc tiểu khu 195(413 cũ) lô 8, khoảnh 8a:**

- + Phía Bắc giáp bãi chè nhà ông P;
- + Phía Tây giáp với đất Công ty Lâm nghiệp trả cho địa phương quản lý;

- + Phía Nam giáp với đất ông Ngô Văn Đ đang sử dụng
 - + Phía Đông giáp với đường đi và đất ông Ngô Văn Đ đang sử dụng
 - * Vị trí thứ sáu(thuộc tiểu khu 195(413 cũ) lô A37, khoảnh 8a:
 - + Phía Bắc giáp với đất ông Dương Tuấn H đang sử dụng ;
 - + Phía Tây giáp với đất Công ty Lâm nghiệp trả cho địa phương quản lý;
 - + Phía Nam giáp với đất Công ty Lâm nghiệp trả cho địa phương quản lý;
 - + Phía Đông giáp với đất ông Hoàng Văn H đang sử dụng;
- Ranh giới đất tiếp giáp các hộ lân cận đều có đường biên.

* Vị trí thứ bảy(thuộc tiểu khu 195(413 cũ) lô A53, khoảnh 9:

- + Phía Bắc giáp đường đi và giáp với đất bà Lê Thị T đang sử dụng ;
 - + Phía Tây giáp với đất ông Triệu Văn T đang sử dụng;
 - + Phía Nam giáp với đất bà Nguyễn Thị T đang sử dụng;
 - + Phía Đông giáp với đất ông Triệu Văn H đang sử dụng;
- Ranh giới đất tiếp giáp các hộ lân cận đều có đường biên.

* Vị trí thứ tám(thuộc khe Re tiểu khu 195(413 cũ) :

- + Phía Nam giáp với đất ông Phan Đức H1 đang sử dụng;
- + Phía Bắc giáp đất ông Phan Đức Lâm đang sử dụng ;
- + Phía Tây giáp đường đi và giáp đất ông Phan Đức L đang sử dụng;
- + Phía Đông Nam giáp với đất ông Triệu Văn H đang sử dụng;

Ranh giới đất tiếp giáp các hộ lân cận đều có đường biên. (Có bản trích đo hiện trạng thửa đất kèm theo do ông H, bà Đ dẫn đạc được Công ty TNHH H N C đo đạc)

2. Công nhận phần cây trồng trên diện tích đất 163.864,4 m² thuộc thửa số 30 tờ bản đồ số 1 thuộc quyền sử dụng của ông Hoàng Văn H và bà Lê Thị Đ. Ông H, bà Đ có nghĩa vụ khai thác cây trồng trên đất và thực hiện theo nội dung cam kết, thỏa thuận trong hợp đồng giao khoán giữa ông Hoàng Văn H với Công ty Lâm nghiệp T N khi đến chu kỳ khai thác. Nếu có tranh chấp thì giải quyết bằng vụ án khác.

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Văn H, bà Lê Thị

Định đề nghị Hủy tất cả các hợp đồng giao khoán mà ông H, bà Đ cho rằng bị ép ký, bị ký không từ năm 2012.

4. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Văn H, bà Lê Thị Đ đề nghị Hủy Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số BA 866776 của Tổng Công ty Lâm Nghiệp V N được UBND tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 15/2/2011.

5. Về chi phí tố tụng: Ông Hoàng Văn H, bà Lê Thị Đ phải chịu chi phí thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 24.730.000 đồng.(đã chi phí xong).

6. Án phí sơ thẩm: Ông Hoàng Văn H, bà Lê Thị Đ liên đới chịu 56.243.388 đồng án phí dân sự sơ thẩm vào Ngân sách nhà nước.

Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Lê Thị Đ không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, được trả lại 300.000đồng tạm ứng án phí đã nộp tại chi cục thi hành án huyện Đ H tỉnh Thái Nguyên, biên lai thu số 0005395 ngày 18/8/2022.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành./.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- TAND huyện Đ H ;
- Chi cục THADS huyện Đ H ;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; Tòa Dân sự.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Hồng Phương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Quế - Nguyễn Thị Thủy

Lê Thị Hồng Phương

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT
XỬ**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA**

**Nguyễn Thị Thủy - Bảng Công
Hiệp**

Lê Thị Hồng Phương

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
PHIÊN TÒA**

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA

Bằng Công Hiệp- Trần Thị Nhài

Lê Thị Hồng Phương

